

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 550/2023/DS-PT

Ngày 06 tháng 11 năm 2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Điền
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Phương Hạnh
Ông Nguyễn Tiến Dũng

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Nhạn, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 06 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 276/2023/TLPT-DS ngày 03 tháng 7 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 12411/2023/QĐ-PT ngày 23 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Chị Hoàng Thu H, sinh năm 1998; địa chỉ: thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
2. Ông Hoàng Thanh H1, sinh năm 1974 (chết ngày 06/7/2022).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H1 (đều ủy quyền cho chị Hoàng Thu H) gồm:

- Ông Hoàng H2, sinh năm 1947
- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962

Cùng địa chỉ: B, C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Bà Vi Thị L, sinh năm 1975

- Chị Hoàng Thu H3, sinh năm 2001

Cùng địa chỉ: thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang)

- Bị đơn:

1. Bà Lý Thị H4, sinh năm 1973; địa chỉ: thôn S, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Chị Tôn Lý Thu T1, sinh năm 1999; HKTT: thôn S, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (chị T1 hiện đang cư trú và học tập tại Australia, ủy quyền cho bà Lý Thị H4 tham gia tố tụng).

- Người kháng cáo: Bà Lý Thị H4 (là bị đơn).

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Lý Thị H4 có mặt; các đương sự khác vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Hoàng Thu H trình bày:

Ngày 30/12/2020, chị và bố của chị là ông Hoàng Văn H5 có cho mẹ con bà Lý Thị H4, chị Tôn Lý Thu T1 vay số tiền là 400.000.000 đồng; thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất là 1%, thời hạn vay 01 năm kể từ ngày vay. Khi vay, hai bên có lập “Giấy vay tiền”, bà H4 và chị T1 ký và điểm chỉ vào giấy vay tiền. Đến hạn thanh toán, chị đã nhiều lần yêu cầu bà H4 và chị T1 trả nợ gốc là 400.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 48.000.000 đồng nhưng bà H4 và chị T1 không trả. Vì vậy, chị khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà H4 và chị T1 phải trả cho chị số tiền vay gốc là 400.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 48.000.000 đồng và lãi suất quá hạn theo hợp đồng vay ngày 30/12/2020.

2. Bị đơn bà Lý Thị H4 trình bày:

Bà H4 xác nhận mẹ con bà có ký và điểm chỉ vào “Giấy vay tiền” đề ngày 30/12/2020 với nội dung mẹ con bà vay của bố con ông H5, chị H số tiền 400.000.000 đồng. Tuy vậy, ngày ghi trong “Giấy vay tiền” không phải là ngày 30/12/2020 mà là ngày 05/09/2021. Khi vay, hai bên không thỏa thuận về thời hạn trả và thực tế bà chỉ vay số tiền 150.000.000 đồng vào khoảng năm 2017 nhưng khi đó giữa bà và vợ ông H5 là bà Vi Thị L có ký giấy vay.

“Giấy vay tiền” ngày 30/12/2020 là do chị H đã soạn sẵn, ghi sẵn số tiền cho vay là 400.000.000 đồng. Trước khi ký vào giấy vay tiền ngày 30/12/2020, bà có đọc nhưng không hiểu, con gái bà không đọc nội dung giấy vay tiền nhưng phải ký do chị H và ông H5 đã gây sức ép buộc mẹ con bà phải ký và điểm chỉ vào “Giấy vay tiền” này. Bà ký vào “Giấy vay tiền” ngày 30/12/2020 nhưng chị H và ông H5 không trả giấy vay tiền cũ năm 2017, hiện giấy này bà không biết ở đâu. Nay bà H4 xác định là có nợ tiền của ông H5 và chị H nhưng số nợ chỉ có 150.000.000 đồng tiền gốc, còn tiền lãi suất của khoản vay này hàng tháng bà đã trả hết. Nay chị H và ông H5 yêu cầu trả khoản nợ

đã vay, bà chỉ đồng ý trả 150.000.000 đồng và và tiền lãi hàng tháng phát sinh theo quy định.

Hiện nay, con gái bà là chị Tôn Lý Thu T1 đang du học ở Australia, vẫn thường xuyên liên hệ qua điện thoại, bà có thông báo và chị T1 đã biết việc ông H5, chị H khởi kiện ra Tòa án. Chị T1 có gửi các văn bản gồm: Giấy ủy quyền ngày 20/10/2022, Bản tự khai ngày 10/10/2022, Đơn đề nghị ngày 10/10/2022. Bà H4 khẳng định đây là chữ ký và điểm chỉ của cháu T1, bà H4 đồng ý nhận ủy quyền của chị T1 theo như nội dung ủy quyền.

Tại Bản tự khai nêu trên, chị Tôn Lý Thu T1 trình bày: Chị không đồng ý yêu cầu khởi kiện của chị H buộc mẹ con chị phải trả số tiền vay 400.000.000 đồng và 48.000.000 đồng tiền lãi. Năm 2020, ông H5, bà L và chị H đến nhà và yêu cầu mẹ con chị ký vào giấy vay tiền số tiền 400.000.000 đồng. Lúc này chị mới biết mẹ chị có vay của ông H5 số tiền là 150.000.000 đồng vào năm 2017. Chị nghe thấy ông H5 nói tính cả tiền lãi và tiền gốc là 400.000.000 đồng và bảo mẹ chị ký vào giấy tiền, thực tế mẹ chị không được nhận 400.000.000 đồng mà do ông H5 và chị H đã gây áp lực yêu cầu chị ký vào giấy vay tiền. Chị khẳng định khi ký vào giấy vay tiền ngày 30/12/2020 không được nhận số tiền như đã ghi, chị không có liên quan gì đến khoản vay này. Hiện nay, chị đang sinh sống và học tập tại Australia nên không về Việt Nam để tiến hành các hoạt động tố tụng được, chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị và ủy quyền cho mẹ chị thay mặt chị trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

3. Tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị H đồng ý trừ số tiền 20.000.000 đồng ông H5 đã nhận vào số tiền chị H4 còn nợ, đề nghị Tòa án buộc bà H4 và chị T1 trả số tiền gốc là 380.000.000 đồng; rút yêu cầu đối với tiền lãi trong hạn là 48.000.000 đồng; yêu cầu bà H4, chị T1 phải trả tiền lãi quá hạn theo thỏa thuận (2%/tháng) tính từ sau ngày 30/12/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm. Đối với chi phí giám định chị chịu cả số tiền là 3.240.000 đồng.

Bà H4 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị H, đồng ý trả chị H, ông H5 số tiền 150.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất 2%/năm.

4. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Căn cứ các Điều 288, 289, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thu H và ông Hoàng Thanh H1: Buộc bà Lý Thị H4 và chị Tôn Lý Thu T1 phải liên đới trả cho chị Hoàng Thu H và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hoàng Thanh H1 số tiền gốc là 380.000.000 đồng và 48.640.000 đồng tiền lãi tính đến hết ngày 28/4/2023.

Kể từ ngày 29/4/2023, bà Lý Thị H4 và chị Tôn Lý Thu T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu chi phí giám định, án phí dân sự sơ thẩm; phổ biến quyền kháng cáo và thủ tục về thi hành án dân sự cho các đương sự theo quy định.

5. *Kháng cáo*: Ngày 28/4/2023, bị đơn là bà Lý Thị H4 có đơn kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm.

6. *Tại phiên tòa phúc thẩm*:

6.1. Người kháng cáo là bà Lý Thị H4 giữ nguyên đơn kháng cáo.

6.2. Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở Tòa án cấp phúc thẩm: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ và đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt một số đương sự là đúng quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng có mặt chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập, xem xét, đánh giá đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự và quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thu H và ông Hoàng Thanh H1 là có căn cứ, đúng pháp luật. Bà Lý Thị H4 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bà H4 không đưa ra được tài liệu, chứng cứ hoặc lý do, căn cứ nào mới để chứng minh cho nội dung kháng cáo là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà H4 và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; ý kiến của các đương sự, của người đại diện hợp pháp của các đương sự, của những người tham gia tố tụng khác và ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Nguyên đơn chị Hoàng Thu H và ông Hoàng Thanh H1 khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Lý Thị H4 và chị Tôn Lý Thu T1 phải trả số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng và số tiền lãi theo thỏa thuận tính đến hết ngày 31/12/2021 là 48.000.000 đồng. Căn cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện do nguyên đơn giao nộp là “Giấy vay tiền” ghi ngày 30/12/2020 có chữ ký, chữ viết và điểm chỉ của “Bên vay” là Lý Thị H4 và Tôn Lý Thu T1. Bà H4 và chị T1 thừa nhận có ký, điểm chỉ vào “Giấy vay tiền” nêu

trên nhưng thực tế không vay và không được nhận 400.000.000 đồng mà số tiền này là do năm 2017 bà H4 có vay 150.00.000 đồng, sau đó cộng cả gốc và lãi thành 400.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về số tiền vay:

Việc bà H4 cho rằng thực chất bà chỉ vay của chị H, ông H1 số tiền 150.00.000 đồng thì bà H4 không có chứng cứ, tài liệu nào để chứng minh lời trình bày trên là sự thật. Mặt khác, bà H4 cũng được giữ một bản “Giấy vay tiền” ghi ngày 30/12/2020 (bút lục: 55) có nội dung tương tự “Giấy vay tiền” do nguyên đơn giao nộp, điều ghi là vay số tiền 400.000.000 đồng; tại trang cuối của giấy vay tiền do bà H4 giao nộp có chữ viết, chữ ký của ông Hoàng Thanh H1 với nội dung: “*đã chuyển toàn bộ sang giấy vay tiền này, những giấy tờ trước ngày đó không có giá trị, Lý Thị H4 đã trả lãi hết năm 2021*”. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định số tiền trong “Giấy vay tiền” ngày 30/12/2020 là tổng cộng của nhiều khoản vay và tiền lãi tính đến hết năm 2021, theo đó bà H4 và chị T1 phải có nghĩa vụ trả cho ông H1, chị H 400.000.000 đồng tiền gốc là có cơ sở. Tuy nhiên, căn cứ vào giấy nhận số tiền 20.000.000 đồng đề ngày 02/02/2022 có chữ ký của ông Hoàng Thanh H1 do bà H4 giao nộp tại phiên tòa (đã được chị H thừa nhận chữ ký trong giấy nhận tiền là của ông H1) nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bà H4, chị T1 phải trả cho nguyên đơn số tiền 380.000.000 đồng nợ gốc còn lại là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Về khoản tiền lãi suất:

[2.1] Đối với khoản tiền lãi suất trong hạn: Tại phiên tòa sơ thẩm, chị H tự nguyện rút yêu cầu đối với số tiền lãi trong hạn là 48.000.000 đồng. Lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm cần phải quyết định đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này nhưng chỉ nêu tại phần nhận định của Tòa án: “Hội đồng xét xử không xem xét” là có thiếu sót. Tuy nhiên thiếu sót này không làm thay đổi nội dung giải quyết của vụ án, không làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của các đương sự nên Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[2.2] Đối với khoản tiền lãi suất quá hạn: Tại “Điều 3” của giấy vay tiền ngày 30/12/2020 ghi “lãi suất trong hạn là 1%, lãi suất quá hạn là 2%” nhưng không ghi rõ mức lãi suất này là áp dụng theo tháng hay theo năm. Tại phiên tòa, nguyên đơn khai thỏa thuận lãi suất 1% và 2%/tháng; bị đơn khai lãi suất 1% và 2%/năm. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi suất quá hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự là đúng quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự.

[3] Tổng hợp những nội dung phân tích ở trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập, xem xét, đánh giá đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự và quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thu H, ông Hoàng Thanh H1 và tuyên buộc bà Lý Thị H4, chị Tôn Lý Thu T1 phải chịu chi phí giám định, án phí dân sự sơ thẩm là có căn

cứ, đúng quy định của pháp luật. Bà Lý Thị H4 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nhưng quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa phúc thẩm bà H4 không đưa ra được tài liệu, chứng cứ hoặc lý do nào mới để chứng minh cho nội dung kháng cáo là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lý Thị H4; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 21/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà Lý Thị H4 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Lý Thị H4 đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005364 ngày 18 tháng 5 năm 2023.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 06 tháng 11 năm 2023).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

Nguyễn Xuân Điền